

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Nông sản thực phẩm Hoàn Ngọc tại Văn bản số 01/2026-GPMT ngày 04 tháng 02 năm 2026 và Văn bản số 02/GPMT ngày 02 tháng 4 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4428/TTr-SNN&MT ngày 07 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Nông sản thực phẩm Hoàn Ngọc, địa chỉ: Lô B4, Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất, chế biến nông sản thực phẩm Hoàn Ngọc có địa chỉ: Lô B4, Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất, chế biến nông sản thực phẩm Hoàn Ngọc.
- Địa điểm hoạt động: Lô B4, Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp,

tỉnh Đồng Tháp.

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 1402205295 đăng ký lần đầu ngày 29/4/2025, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 13/11/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp.

d) Mã số thuế: 1402205295.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất, chế biến các sản phẩm từ gạo, nông sản

e) Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 94.238,1m² - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

- Nhóm dự án: dự án thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất:

STT	Hoạt động sản xuất	Đơn vị	Công suất thiết kế
1	Cơm, cháo, nui	Tấn sản phẩm /năm	1.560
2	Pellet	Tấn sản phẩm /năm	600
3	Mì	Tấn sản phẩm /năm	1.560
4	Phở, hủ tiếu, miến	Tấn sản phẩm /năm	4.680
5	Đậu nành lên men	Tấn sản phẩm /năm	15.600
Tổng		Tấn sản phẩm/năm	24.000

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất:

+ Sản xuất cơm, cháo, nui: nguyên liệu → ngâm, vo → xay → phối trộn → đun → cắt → sấy khô → làm mát → đóng gói, dò kim loại → thành phẩm.

+ Sản xuất pellet: nguyên liệu → trộn, hấp → cán thành tấm → làm nguội → cuộn → ủ → cắt → sấy → thành phẩm.

+ Sản xuất mì: gạo → ngâm, vo → xay → phối trộn → đun → cắt → ủ → sấy khô → làm mát → đóng gói, dò kim loại → thành phẩm.

+ Sản xuất phở, hủ tiếu, miến: gạo → ngâm, vo → cay → phối trộn → tráng, hấp → sấy sơ bộ → cắt miếng → ủ → cắt sợi, bắt vắt → sấy khô → đóng gói, dò kim loại → thành phẩm.

+ Sản xuất đậu nành lên men: đậu nành → làm sạch → phối trộn nguyên liệu → nấu chín → phối trộn vi sinh → lên men → sấy khô → nghiền mịn → đóng gói thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

b) Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

c) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

d) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Nông sản thực phẩm Hoàn Ngọc

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Nông sản thực phẩm Hoàn Ngọc có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *muon*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Mỹ Hiệp;
- Cty Cổ phần Nông sản thực phẩm Hoàn Ngọc;
- VPUB: CVP, các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, Nguyên.

5b

KT. CHỦ TỊCH *muon*
PHÓ CHỦ TỊCH



Thanh
Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 126/GPMT-UBND
ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên với lưu lượng tối đa 11,25 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: nước thải từ hoạt động của nhà ăn lưu lượng tối đa 6,25 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ dây chuyền com, cháo, nui với lưu lượng tối đa 42,3 m³/ ngày đêm.
- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ dây chuyền pallet với lưu lượng tối đa 16,3 m³/ ngày đêm.
- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất mì với lưu lượng tối đa 42,3 m³/ ngày đêm.
- Nguồn số 06: nước thải từ dây chuyền sản xuất, phở, hủ tiếu với lưu lượng tối đa 126,8 m³/ ngày đêm.
- Nguồn số 07: nước thải từ dây chuyền đậu nành lên men với lưu lượng tối đa 422,8 m³/ ngày đêm.

Tổng lượng nước thải phát sinh: 668 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

a) Nguồn tiếp nhận nước thải: rạch Lòng Ống, sau đó chảy ra sông Cái Nhỏ đoạn thuộc địa bàn xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp.

b) Vị trí xả nước thải: rạch Lòng Ống, sau đó chảy ra sông Cái Nhỏ đoạn thuộc địa bàn xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp; Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1142196.2675, Y = 587611.5131 (Theo tọa độ VN2000 kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°).

c) Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 800 m³/ngày đêm tương đương 33,33m³/giờ.

d) Phương thức xả nước thải: tự chảy.

đ) Chế độ xả thải: liên tục (24/24 giờ).

e) Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp: nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A Bảng 1 với F ≤ 2000 m³/ngày và cột A Bảng 2), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 65		
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	≤ 40		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 40		
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/L	≤ 5		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 20		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 4		
8	Clo dư	mg/L	≤ 1,0		
9	Chloroform (CHCl ₃)	mg/L	≤ 0,3		
10	Tổng Coliform	MPN/ hoặc CFU/100mL	≤ 3.000		
11	Lưu lượng	m ³ /giờ	33,33		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: hệ thống thu gom, thoát nước mưa, tách riêng hoàn toàn với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh (xử lý sơ bộ nước thải từ bồn cầu bằng bể tự hoại 3 ngăn) → Hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02: nước thải từ hoạt động của nhà ăn → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ dây chuyền cơm, cháo, nui → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ dây chuyền pallet → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất mì → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 06: nước thải từ dây chuyền sản xuất, phở, hủ tiếu → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 07: nước thải từ dây chuyền đậu nành lên men → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày đêm để xử lý.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh: bể tự hoại 03 ngăn.

+ Quy mô, công suất: 15 bể tự hoại 3 ngăn có tổng dung tích 120 m³.

+ Công nghệ: bể tự hoại 3 ngăn xử lý theo phương pháp sinh học kỵ khí lần lượt qua ngăn chứa → ngăn lắng 1 → ngăn lắng 2.

- Hệ thống xử lý nước thải của dự án:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải → thiết bị lọc rác tinh → bể tách dầu → bể lắng cặn → bể điều hòa → bể phân phối A → thiết bị trộn tĩnh → bể UASB → bể phân phối B → bể Selector → bể Aerotank → bể tăng cường (polymer cation/PAC) → bể lắng sinh học → bể trung gian → bồn lọc áp lực → bể khử trùng (chlorine) → đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột A bảng 1 với F ≤ 2000 m³/ngày và cột A bảng 2) → rạch Lồng Ống → sông Cái Nhỏ.

+ Công suất thiết kế: 800 m³/ngày đêm

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Chlorine.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46, Điều 1 Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Điều 28 Nghị định số 48/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đầu tư dự phòng các thiết bị dễ bị hư hỏng như máy bơm (1 máy hoạt động, 1 máy dự phòng), nhằm sẵn sàng thay thế kịp thời khi có sự cố xảy ra, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn được vận hành liên tục

- Nguồn điện được đảm bảo ổn định để máy móc, thiết bị hoạt động liên tục và thường xuyên.

- Kiểm tra máy bơm thường xuyên, đảm bảo máy bơm luôn hoạt động tốt.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành và thực hiện tốt công tác quan trắc nước thải định kỳ.

- Kiểm tra thường xuyên điều kiện thiếu khí, hiệu khí trong các bể.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

+ Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.

+ Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 3/2027 đến tháng 5/2027.

b) Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày đêm,

- Vị trí lấy mẫu: nước thải đầu vào; mẫu nước thải đầu ra theo vị trí xả nước thải được cấp phép tại phần A phụ lục này.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại mục 2 e phần A phụ lục này.

c) Tần suất lấy mẫu: thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2205 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 126 /GPMT-UBND
ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: nhà xưởng sản xuất 1.
- Nguồn số 02: nhà xưởng sản xuất 2.
- Nguồn số 03: nhà xưởng sản xuất 3.
- Nguồn số 04: nhà xưởng sản xuất 4.
- Nguồn số 05: nhà xưởng sản xuất đậu nành.
- Nguồn số 06: từ hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 07: nguồn ồn và rung từ máy phát điện.
- Nguồn số 08: hoạt động vận chuyển ra vào tại cổng chính bảo vệ.
- Nguồn số 09: từ hoạt động tàu thuyền di chuyển ra vào dự án.
- Nguồn số 10: từ hệ thống xử lý nước cấp.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung như sau:

a) Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn như sau:

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 18h00)	Tối (từ 18h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

b) Độ rung

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành.
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn.
- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh.
- Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ, các điểm tiếp xúc giữa máy móc và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.
- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân làm việc với thiết bị, máy móc có cường độ ồn cao.
- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; tạo khoảng cách cách ly và trồng cây xanh trong khuôn viên theo quy định.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: lắp đặt đệm cao su tại các chân các thiết bị có công suất lớn, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng và các máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại mục 2 phần A phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 126/GPMT-UBND
ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	25	NH
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	50	NH
3	Các loại dầu mỡ độc hại (mỡ bò,...)	Rắn, lỏng	16 01 08	25	NH
4	Các loại dầu, động cơ hộp số và bôi trơn thải khác	Rắn	17 02 04	100	NH
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử hoặc thiết bị, bộ phận có linh kiện điện tử khác với các loại trên (trừ bản mạch đã loại bỏ các linh kiện là CTNH)	Rắn	15 02 14	10	NH
Tổng cộng		-	-	210	

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Thành phần	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/tháng)	Ký hiệu phân loại
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	Rắn	200	TT-R
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	Rắn	300	TT-R
3	Phụ phẩm, sản phẩm hỏng	14 04 03	Rắn	270	TT-R
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước (hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý nước cấp)	14 04 01	Bùn	250	TT
5	Bùn phát sinh từ bể tự hoại	14 04 01	Bùn	100	TT
Tổng cộng				1.120	

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 6.000 kg/tháng.

d) Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	Rắn	20	KS
2	Bao bì mềm thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	50	KS
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	100	KS
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	50	KS
Tổng				220	-



2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và kiểm soát:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí 06 thùng nhựa cứng 30 lít; 05 bao PE loại 50kg; riêng bao bì nhựa cứng được lưu trực tiếp tại kho, có dán nhãn phân loại.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho lưu chứa: 30m².

+ Khu vực lưu chứa: có mái che, sàn bê tông có khả năng chống thấm, không phát tán, rò rỉ, có gờ chống tràn. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải đảm bảo quy định tại khoản 2, khoản 3 của Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường.

- Chuyển giao xử lý: công ty sẽ hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định với tần suất chuyển giao: 01 lần/ năm.

b) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: sử dụng bao PE/PP, thùng chứa bằng nhựa, kim loại hoặc thùng gỗ và các thiết bị lưu chứa khác đáp ứng yêu cầu quy định.

- Kho lưu chứa:

+ Được lưu chứa vào kho có diện tích 18 m². Thiết kế, cấu tạo kho: sàn bê tông, mái che bằng tole, có rãnh thu nước mưa. Bán phế liệu đối với chất thải có thể tái chế, tái sử dụng và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định đối với chất thải không tái chế, không tái sử dụng: tần suất chuyển giao 6 tháng/ lần.

+ Đối với phụ phẩm, sản phẩm hỏng: thiết kế khu vực chứa tro nằm phần diện tích khu vực sản xuất có diện tích 01 m², bố trí thùng nhựa HDPE/Composite 50-100 lít để chứa. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định với tần suất chuyển giao 01 tuần/ lần.

+ Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước cấp: Bố trí khu vực lưu chứa nằm trong phần diện tích khu vực xử lý nước cấp có diện tích 10 m² và có cấu tạo sàn bê tông, mái che bằng tole, có rãnh thu nước thải. Quan trắc 01 lần/năm tại bể chứa bùn với thông số Zn, Pb, Cd, As, Ni, Hg, Cr⁶⁺ và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định với tần suất chuyển giao 3 tháng/ lần

+ Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: bố trí khu vực lưu chứa nằm trong phần diện tích khu vực xử lý nước thải có diện tích 10 m² và có cấu tạo sàn bê tông, mái che bằng tole, có rãnh thu nước thải. Quan trắc 01 lần/năm tại bể tách bùn với thông số Zn, Pb, Cd, As, Ni, Hg, Cr⁶⁺ và hợp đồng với đơn vị có chức

năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định với tần suất chuyên giao 3 tháng/lần

+ Đối với bùn từ bể tự hoại: bùn từ bể tự hoại được lưu chứa trong ngăn lắng bể tự hoại và hợp đồng với đơn vị có chức năng hút, xử lý bùn định kỳ 1 năm/lần.

c) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh được thu gom vào các thùng chứa rác bằng nhựa HDPE/Composite có nắp đậy, với số lượng: 2 thùng 18lít, 10 thùng 120 lít, 2 thùng 660 lít, được bố trí tại các khu vực nhà văn phòng, nhà bảo vệ, xưởng sản xuất, kho chứa chất thải.

- Phương thức thu gom: hằng ngày thu gom và phân loại chất thải từ thùng nhỏ, tập kết các thùng chứa dung tích lớn (thùng 660 lít) và tập kết các thùng chứa dung tích lớn này tại khu vực tập kết rác trước cổng dự án để chuyên giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Phương thức xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đến thu gom, xử lý toàn bộ lượng chất thải sinh hoạt phát sinh với tần suất 01 lần/ ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật hóa chất và các văn bản liên quan.

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH-15 ngày 11 tháng 12 năm 2025.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.



Phụ lục 4
YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 126/GPMT-UBND
ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy.../.

